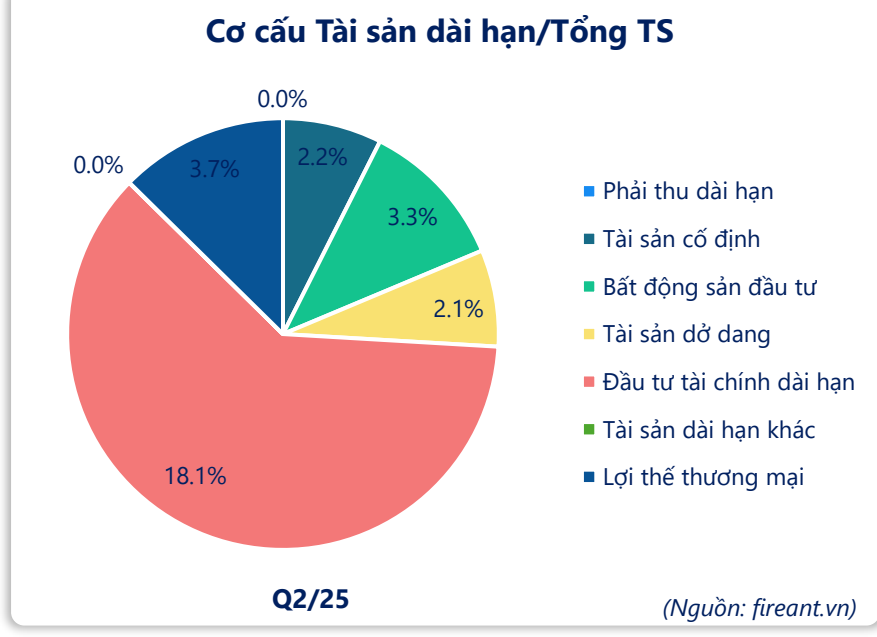
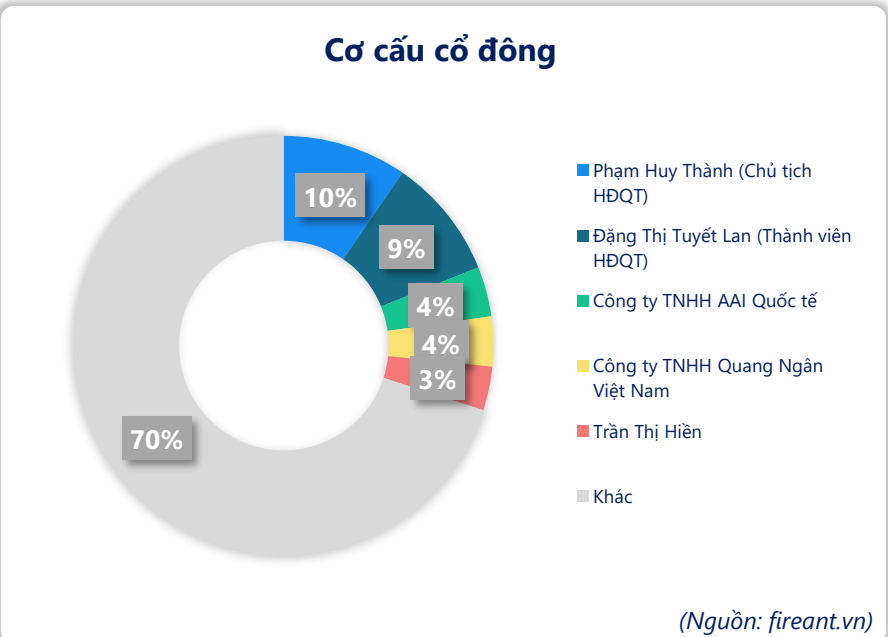
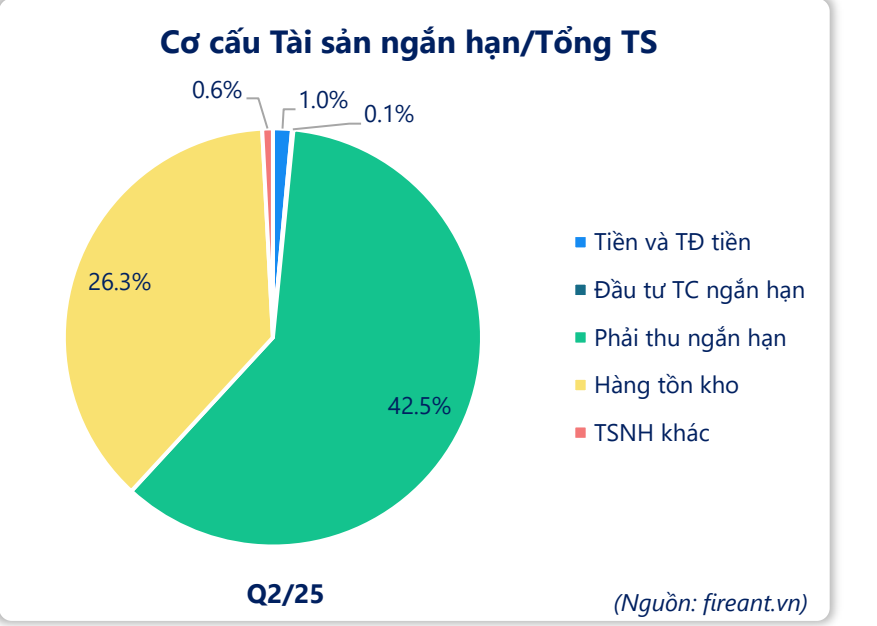
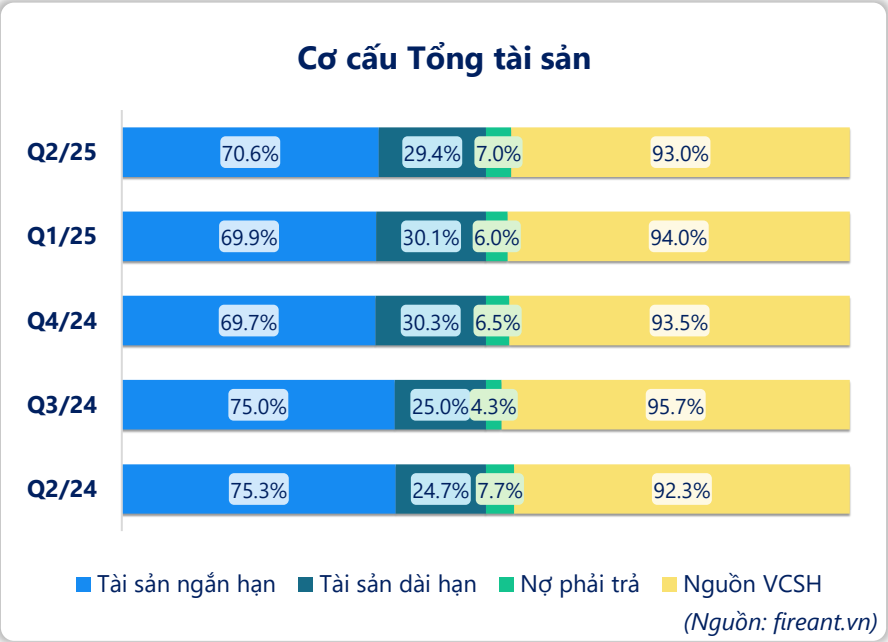
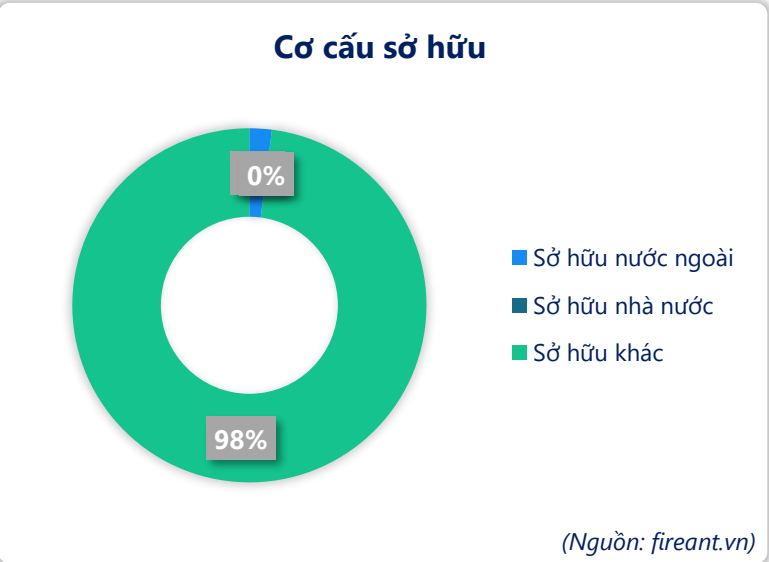
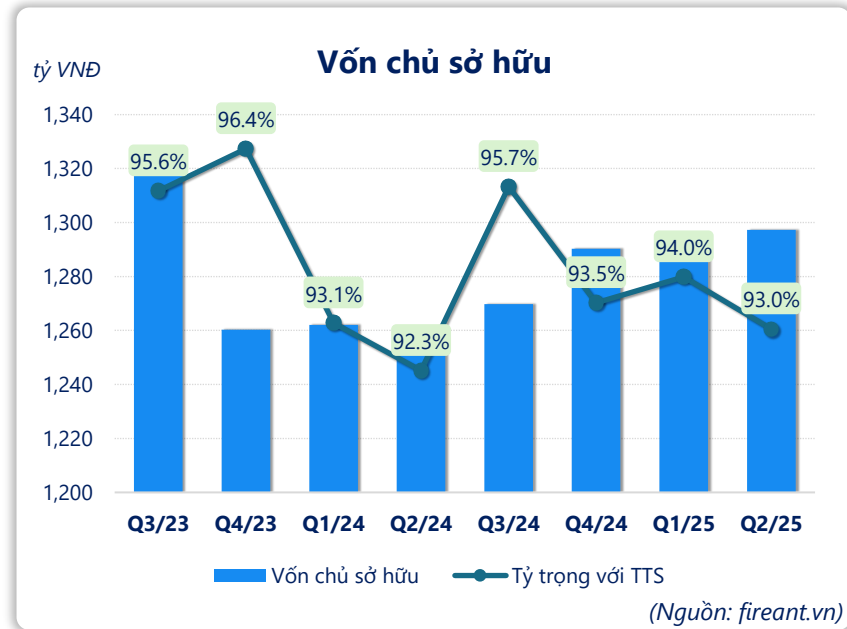
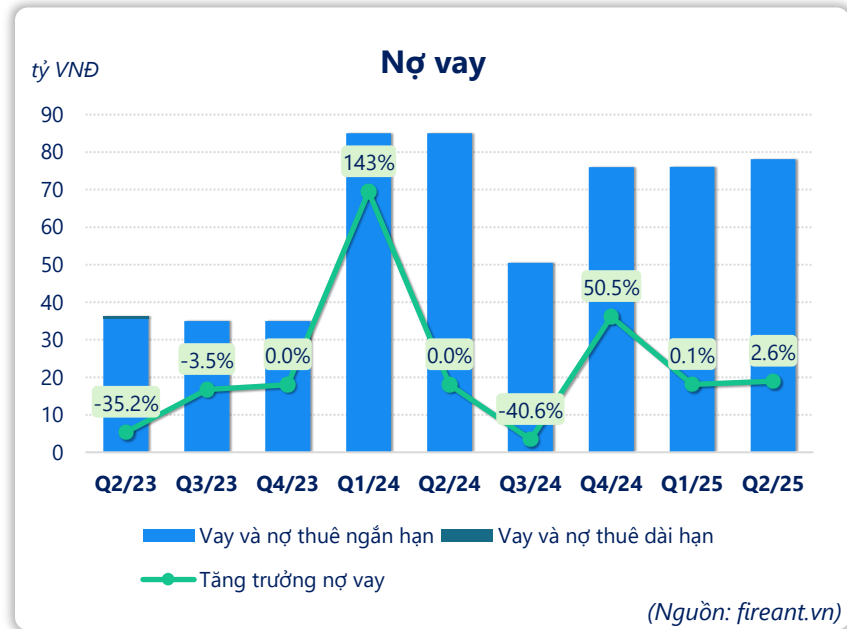
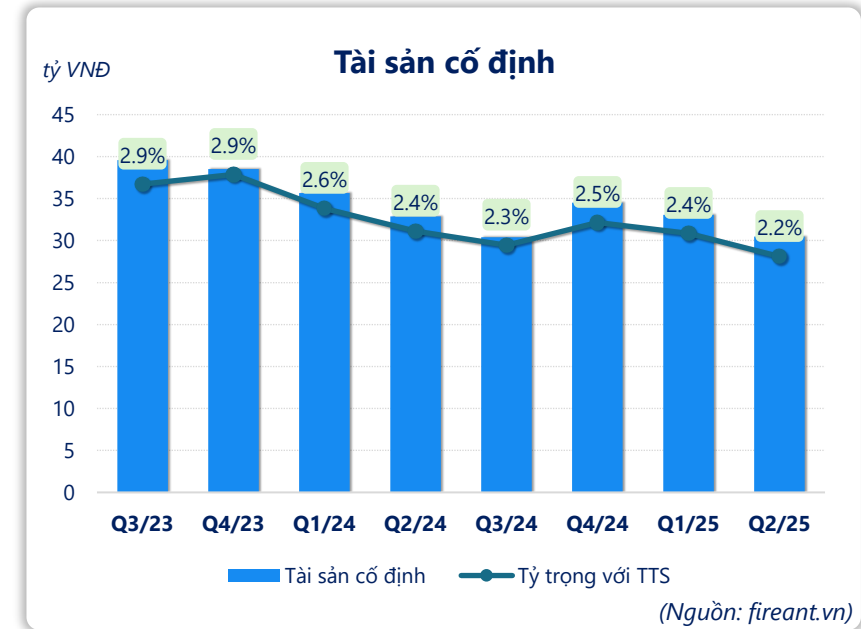
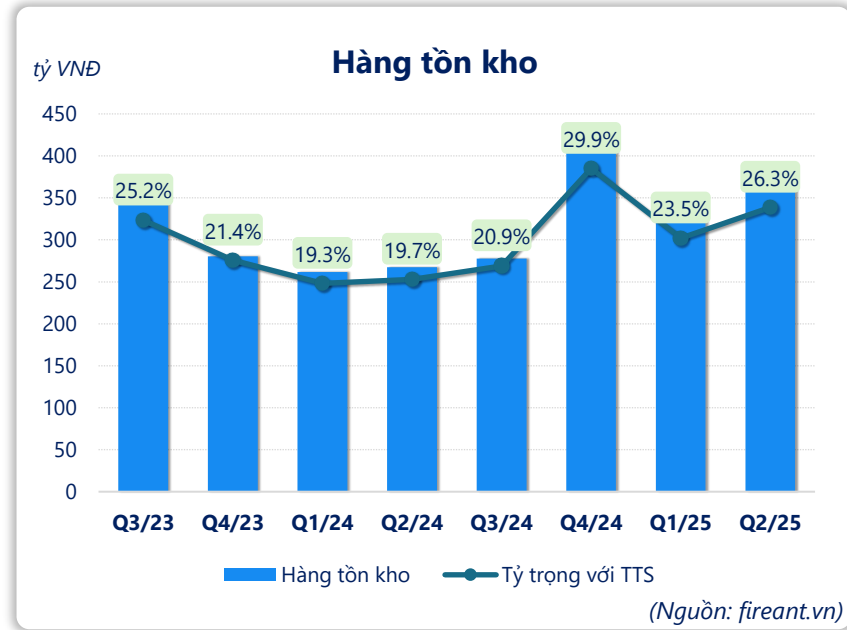
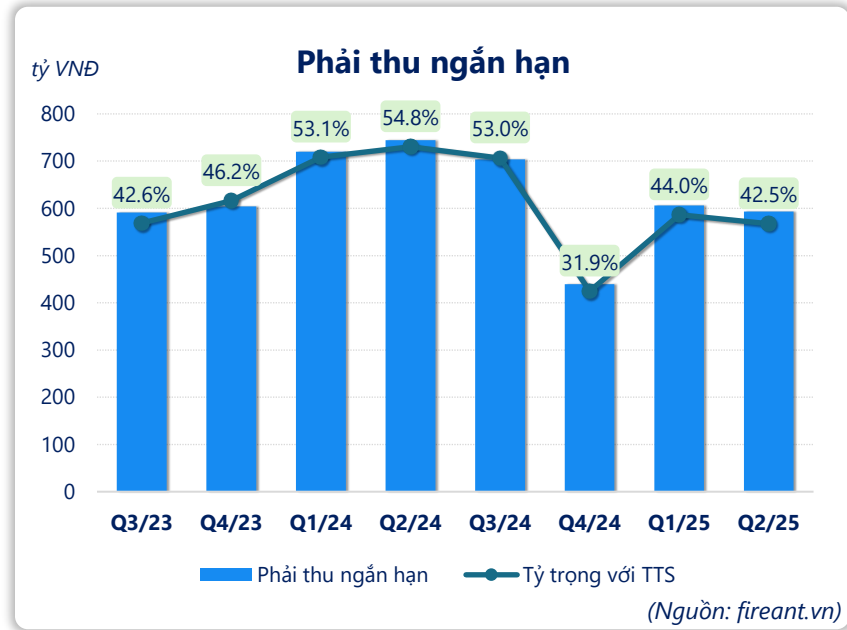
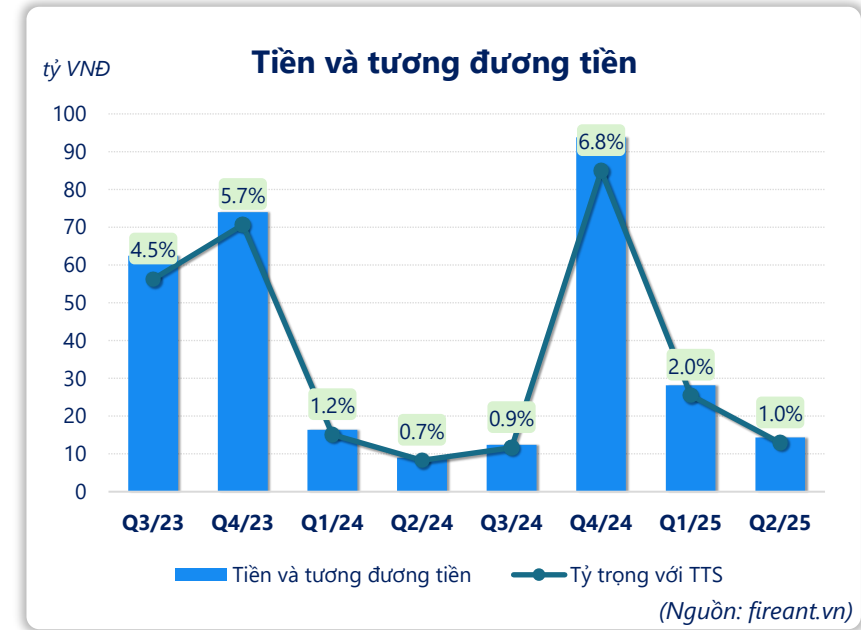
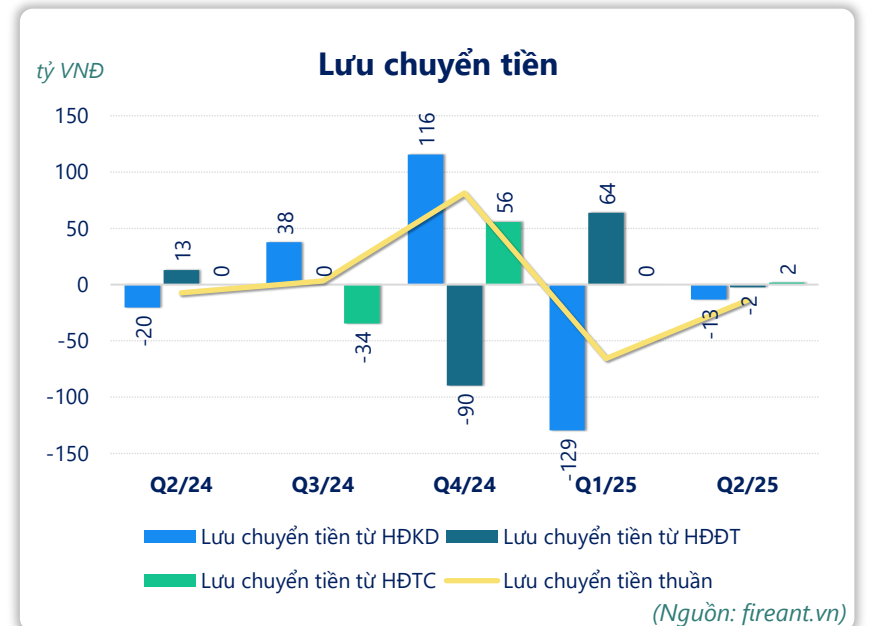
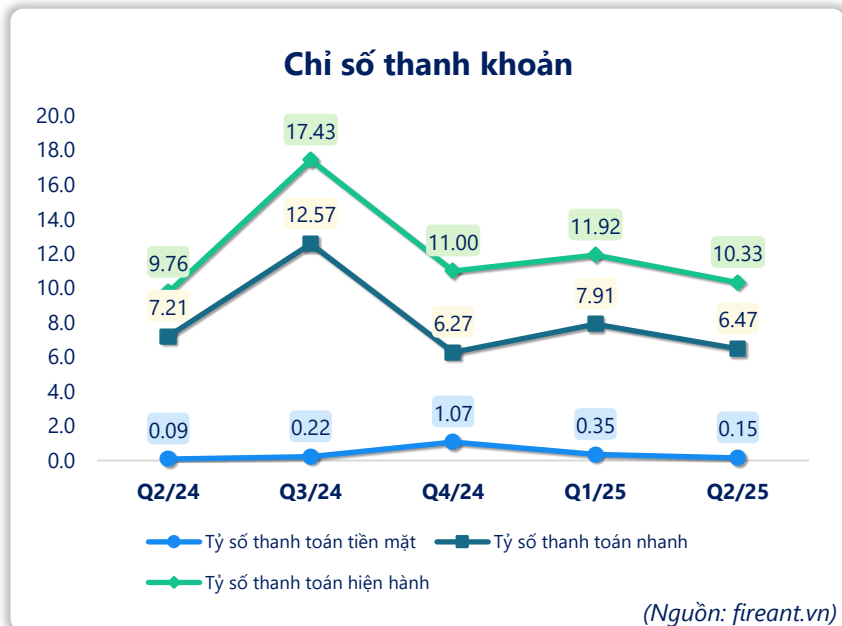
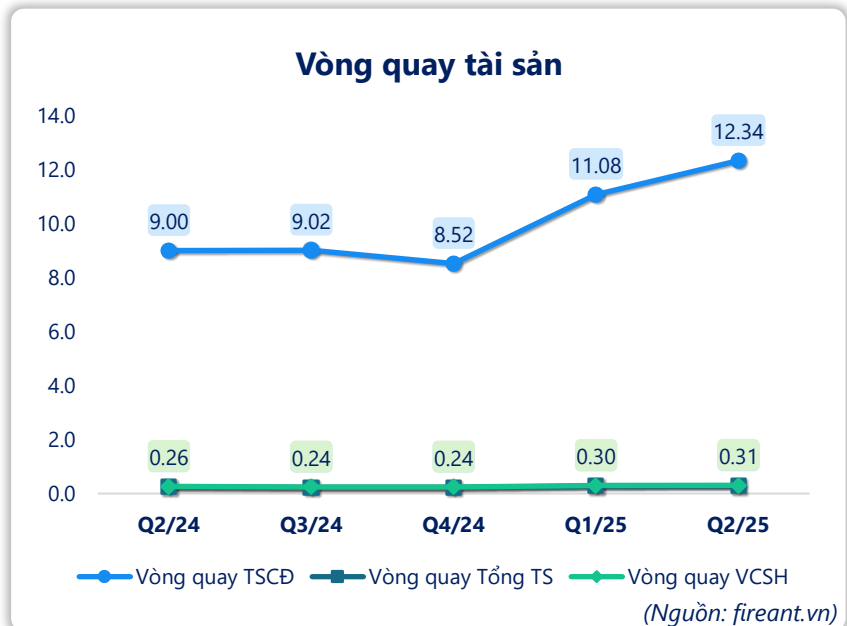
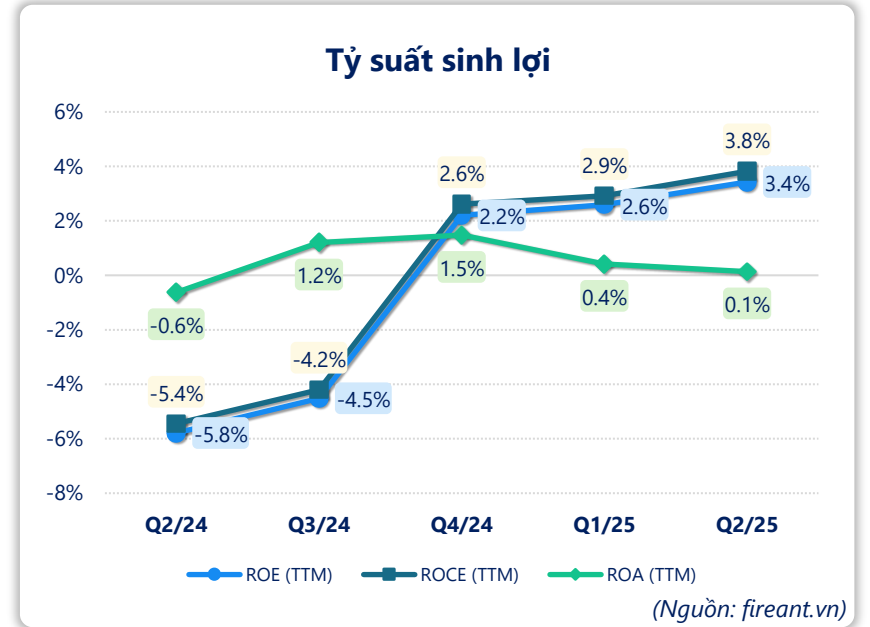
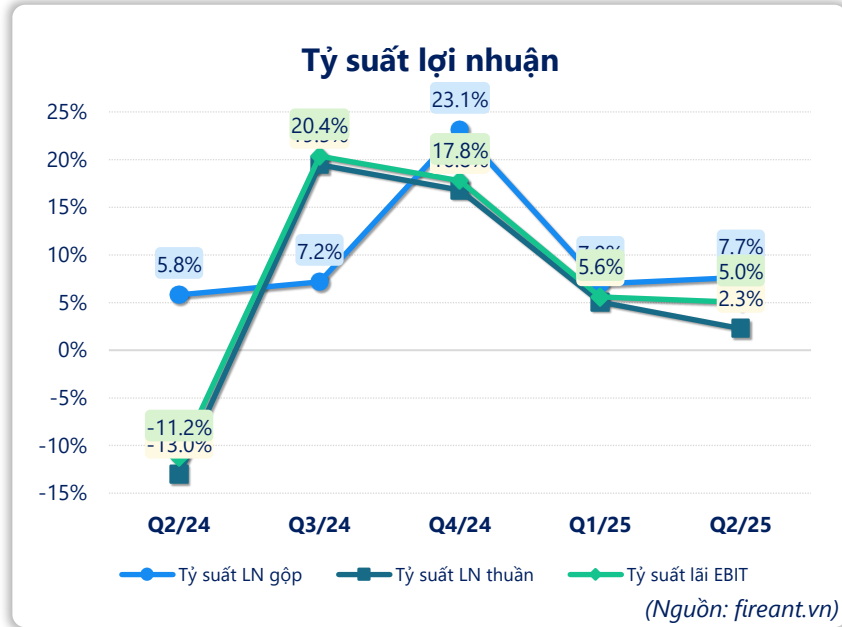
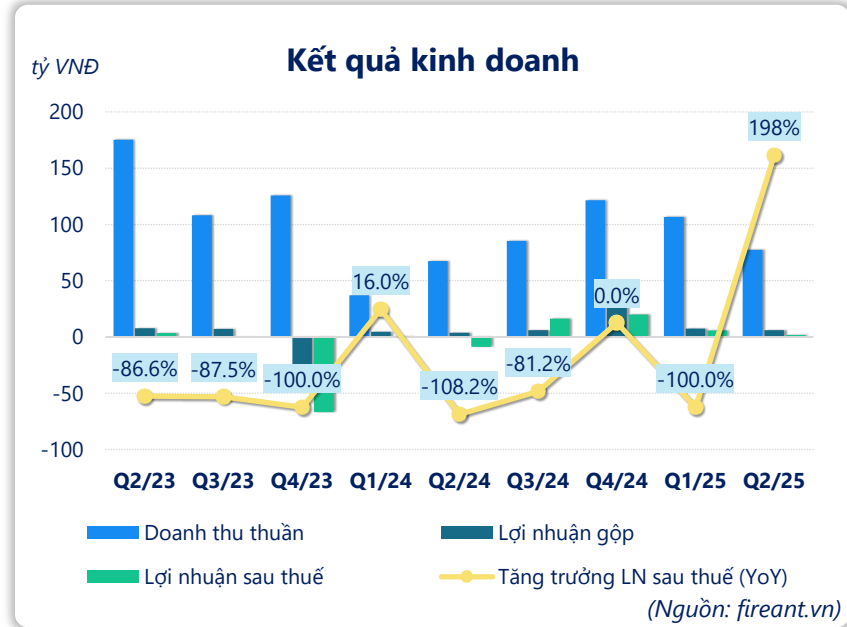


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		120,218,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		213,575
% sở hữu nước ngoài		2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		373
P/E		8.5
EPS		364

	YTD	1T	3T	6T
MBG	-8.8%	-3.1%	-8.8%	-11.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,394	1,379	1.1%
Tài sản ngắn hạn	984	962	2.4%
Tiền và tương đương tiền	14.4	93.8	-84.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.10	1.10	0.0%
Phải thu ngắn hạn	593	439	35.0%
Hàng tồn kho	367	413	-11.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.11	14.0	-42.2%
Tài sản dài hạn	410	418	-1.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	30.5	34.5	-11.7%
Bất động sản đầu tư	46.2	46.8	-1.3%
Tài sản dở dang	29.7	29.4	1.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	252	252	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	0.09	0.10	-8.3%
Lợi thế thương mại	51.7	54.5	-5.0%
Nợ phải trả	97.2	89.5	8.6%
Nợ ngắn hạn	95.3	87.5	8.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.1	76.0	2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	7.73	77.0%
Nợ dài hạn	1.90	1.97	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,297	1,290	0.6%
Vốn chủ sở hữu	1,297	1,290	0.6%
Vốn điều lệ	1,202	1,202	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	67.5	85.3	121	107	77.4
Giá vốn hàng bán	63.6	79.2	93.3	99.2	71.5
Lợi nhuận gộp	3.92	6.13	28.1	7.44	5.92
Doanh thu HĐTC	0.87	0.04	0.18	0.24	0.10
Chi phí TC	1.09	0.96	0.98	1.00	1.26
Chi phí lãi vay	1.09	0.96	0.98	0.35	1.90
LN trong công ty LKLD	-2.13	-0.70	2.08	0.11	-0.42
Chi phí bán hàng	-0.01	0.00	0	0	0
Chi phí QLDN	10.4	-12.1	8.93	1.41	2.60
LN thuần từ HĐKD	-8.80	16.6	20.4	5.38	1.75
Lợi nhuận khác	0.13	-0.19	0.18	0.23	0.24
LN trước thuế	-8.68	16.4	20.6	5.61	1.98
Lợi nhuận sau thuế	-8.60	16.3	19.9	5.67	1.91
LNST của CĐ cty mẹ	-8.60	16.3	19.9	5.68	1.90

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.2	37.6	116	-129	-13.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.9	0.23	-89.7	63.7	-2.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-34.5	55.6	0.11	1.98
Tiền đầu kỳ	16.3	9.04	12.4	93.8	28.1
Lưu chuyển tiền thuần	-7.31	3.34	81.4	-65.6	-13.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.04	12.4	93.8	28.1	14.4

(Nguồn: fireant.vn)